

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2017/HSST

Ngày 21/8/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Tấn Vinh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông: **Huỳnh Phước**.

2/ Ông: **Trần Văn Phơ**.

Thư ký phiên tòa: Ông **Trần Bảo Quốc** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa:
Ông **Nguyễn Thành Quang** - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 43/2017/HSST ngày 05 tháng 7 năm 2017 đối với bị cáo:

Trần Duy T (có tên gọi khác là **D**), sinh năm 1987; Nơi cư trú: Số 1159/4 Khu dân cư S đường Q, khóm T, Phường 10, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Sửa xe; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ văn hóa: 10/12; Con ông Trần Duy T và bà Trang Kim T; Vợ tên Trịnh Thị Thanh Trúc L; Có 02 con, lớn nhất 07 tuổi và nhỏ nhất 03 tuổi; Tiền sự: không; Tiền án: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 10/5/2017 cho đến nay; (có mặt).

* Người bị hại: Ông **Dương Hồng V**, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Số 12/12 đường Q, ấp T, xã Đ, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; (vắng mặt)

* Nguyên đơn dân sự: Bà **Diệp Thị Bích L**, sinh năm 1969; Nơi cư trú: Số 81 đường Q, ấp T, xã Đ, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; (vắng mặt)

* Những người làm chứng:

1/. Ông **Phạm Anh K**, sinh năm 1989; Nơi cư trú: Số 14 - 16 đường P, Khóm 1, Phường 2, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; (vắng mặt)

2/. Ông **Uông Đại T**, sinh năm 1987; Nơi cư trú: Số 346/7 đường L, Khóm 3, Phường 4, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; (có mặt)

3/. Ông **Đặng Hoàng L**, sinh năm 1987; Nơi cư trú: Số 512 đường V, Khóm 1, Phường 10, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; (vắng mặt)

NHẬN THẤY:

Bị cáo Trần Duy T (D) bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Trần Duy T và Dương Hồng V là bạn bè quen biết của nhau. Do muốn có tiền phục vụ cho tiêu xài cá nhân nên T đã nảy sinh ý định lừa đảo V để chiếm đoạt xe mô tô của V.

Vào khoảng 07 giờ ngày 12/01/2017, T rủ bạn tên Phạm Anh K đi đến Nhà nghỉ R tại Số 126 đường M, Khóm 8, Phường 3, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng nơi V ở trọ và gặp V. Khi gặp V, T nói dối là cho T mượn xe mô tô để cho vợ của T đi về quê vài ngày sau thì trả. Do bạn bè quen biết nên V tin tưởng và đồng ý cho T mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Air Blade, màu sơn bạc trắng đen, biển số 83P1-293.90 do bà Diệp Thị Bích L là mẹ ruột của V đứng tên trong giấy đăng ký xe. Sau khi nói dối V có được xe thì T điện thoại cho Uông Đại T và nhờ T cầm xe, T mới hẹn T đến quán cà phê ở Khu dân cư A, Phường 4, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng để gặp. T lấy xe mô tô của V điều khiển xe rủ K đi cùng. K hỏi T đi đâu, T nói đi gặp T để nhờ cầm xe, thì K hỏi T có hỏi ý kiến của V chưa? V đồng ý cho cầm không? T nói dối với K là đã hỏi ý kiến của V rồi và được V đồng ý. Sau đó, T điều khiển xe chở K đi đến quán cà phê ngang Trường Mầm non S trong Khu dân cư A gặp T. T kêu T lấy xe đi cầm giúp cho T, thì T hỏi T có hỏi ý kiến của V chưa, T nói dối với T là V đã đồng ý cho cầm, T nhờ T lấy xe đi cầm với giá 5.000.000đ thì T đồng ý. T lấy xe đi cầm cho Đinh Văn G với số tiền là 5.000.000đ. Sau khi cầm xe T lấy tiền công và tiền T thiếu T trước đây tổng cộng là 1.300.000đ và đưa lại cho T số tiền là 3.700.000đ, T lấy số tiền cầm xe của V tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày 10/02/2017, V gặp T đòi xe thì T nói dối với V là xe bị T mượn và lấy đi mất nên T cùng V đến công an Phường 4, thành phố S trình báo sự việc. Qua điều tra đã chứng minh T chiếm đoạt xe của V và T cũng thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Tại Kết luận định giá tài sản số 40/KL.ĐGTS ngày 17/02/2017 của của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân thành phố S kết luận: Một chiếc xe mô tô biển số 83P1-293.90, nhãn hiệu Honda, số loại Air Blade, màu sơn bạc trắng đen, số máy JF27E0963599, số khung 2703BY146742, giá trị sử dụng còn lại 47%, với số tiền là: $01 \times 38.000.000đ \times 47\% = 17.860.600đ$.

Tại Cáo trạng số 46/QĐ-KSĐT ngày 05/7/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng đã truy tố bị cáo Trần Duy T (D) về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 139 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Trần Duy T (D) về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Khoản 1 Điều 139 của Bộ luật Hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Duy T (D) phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng Khoản 1 Điều 139; điểm b, g, h, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 60 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 18 tháng đến 24 tháng.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại và nguyên đơn dân sự không yêu cầu bồi thường nên không đề cập xử lý.

Tại phiên tòa, người bị hại ông Dương Hồng V vắng mặt, nên Hội đồng xét xử xem xét lời khai của người bị hại tại các biên bản ghi lời khai và đơn bãi nại ngày 05/7/2017 thì người bị hại thừa nhận đã nhận lại tài sản không yêu cầu bị cáo bồi thường và xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Tại phiên tòa, nguyên đơn dân sự bà Dương Thị Bích L vắng mặt, nên Hội đồng xét xử xem xét lời khai của bà tại các biên bản ghi lời khai và đơn bãi nại ngày 05/7/2017 thì bà thừa nhận đã nhận lại tài sản không yêu cầu bị cáo bồi thường, bị cáo cũng tự nguyện bồi thường tiền sửa chữa xe là 970.000đ cho bà và xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Duy T (D) thừa nhận hành vi phạm tội, thừa nhận Cáo trạng truy tố bị cáo là đúng tội, không oan sai cho bị cáo. Bị cáo thừa nhận đã tự nguyện trả tiền sửa xe cho người bị hại là 970.000đ và xin giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Duy T (D) đã khai nhận:

Vào khoảng 07 giờ ngày 12/01/2017, bị cáo đi đến Nhà nghỉ R tại Số 126 đường D, Khóm 8, Phường 3, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng để gặp Dương Hồng V rồi nói dối với V là cho bị cáo mượn xe để cho vợ của bị cáo về quê vài ngày thì V đồng ý, V mới giao xe mô tô biển số 83P1-293.90 của bà Diệp Thị Bích L là mẹ ruột của V làm chủ sở hữu cho bị cáo. Sau khi mượn được xe, bị cáo mới điện thoại cho Uông Đại T để nhờ cầm xe dùm thì T đồng ý, bị cáo mới rủ Phạm Anh K đi cùng thì K hỏi có hỏi ý kiến của V chưa thì bị cáo nói dối với K là đã hỏi ý kiến của V rồi và được V đồng ý. Bị cáo mới điều khiển xe mô tô chở K đi đến quán cà phê ngang Trường Mầm non S trong Khu dân cư A, Phường 4, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng gặp T kêu lấy xe đi cầm thì T hỏi bị cáo có hỏi ý kiến của V chưa, bị cáo mới nói dối với T là V đã đồng ý cho cầm, nên nhờ T lấy xe đi cầm với giá 5.000.000đ thì T đồng ý. Sau đó, T lấy xe đi cầm cho Đinh Văn G với số tiền là 5.000.000đ, T lấy tiền công và tiền bị cáo thiếu T trước đó tổng cộng là 1.300.000đ và đưa lại cho bị cáo số tiền là 3.700.000đ, bị cáo lấy số tiền cầm xe tiêu xài cá nhân hết. Qua định giá tài sản xe mô tô mà bị cáo đã chiếm đoạt được có giá trị là 17.860.600đ.

Lời khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo là hoàn toàn phù hợp với lời khai của người bị hại, những người làm chứng trong quá trình điều tra cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Nên Hội đồng xét xử kết luận bị cáo Trần Duy T (D) phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Khoản 1 Điều 139 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Xét về nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo; bị cáo tự nguyện bồi thường số tiền sửa chữa xe cho nguyên đơn dân sự là 970.000đ; tài sản mà bị cáo chiếm đoạt đã kịp thời thu hồi trả cho người bị hại nên bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; người bị hại và nguyên đơn dân sự làm đơn xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo T; bà ngoại của bị cáo là bà Nguyễn Thị Q có công với nước. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, g, h, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra, do bị cáo T không có tình tiết tăng nặng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ; bị cáo có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật của Nhà nước; bị cáo chưa bị kết án và chưa bị xử lý vi phạm hành chính; bị cáo có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng; bị cáo có khả năng tự cải tạo và mức hình phạt mà bị cáo phải chấp hành không quá 03 năm mà theo

quy định tại điểm a, b, c, d, đ Khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 60 của Bộ luật Hình sự về án treo, Hội đồng xét xử xét thấy hành vi của bị cáo đã gây ra không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội nên cần áp dụng Điều 60 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo để cho bị cáo được hưởng án treo là cũng đủ để răn đe, giáo dục đối với bị cáo nhằm tạo điều kiện để bị cáo sửa chữa lỗi lầm, đồng thời thể hiện tính khoan hồng của Nhà nước ta đối với bị cáo.

Đối với ông Ưông Đại T là người đã đem xe mô tô đi cầm dùm cho bị cáo T nhưng không biết xe mô tô là do bị cáo phạm tội mà có nên không truy cứu trách nhiệm hình sự.

Đối với ông Phạm Anh K là người đã đi chung với bị cáo T nhưng qua điều tra thì ông K không biết bị cáo T nói dối với V để chiếm đoạt xe mô tô và cũng không có vai trò đồng phạm với bị cáo T nên không truy cứu trách nhiệm hình sự.

Đối với ông Đinh Văn G hiện nay không có mặt tại địa phương nên cơ quan Điều tra chưa làm việc được. Đề nghị cơ quan Điều tra tiếp tục xác minh làm rõ để xử lý theo quy định pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại và nguyên đơn dân sự không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên về tội danh và việc áp dụng pháp luật là có căn cứ. Về hình phạt cần xử phạt bị cáo ở mức khởi điểm như Kiểm sát viên đề nghị là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Duy T (D) phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

- Áp dụng Khoản 1 Điều 139; điểm b, g, h, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46, Điều 60 của Bộ luật Hình sự.

1. Xử phạt bị cáo Trần Duy T (D) 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 21/8/2017.

- Giao bị cáo Trần Duy T (D) cho Ủy ban nhân dân Phường 10, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

- Gia đình của bị cáo Trần Duy Trung (D) có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân Phường 10, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng trong việc giám sát, giáo dục đối với bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại ông Dương Hồng V và nguyên đơn dân sự bà Diệp Thị Bích L không có yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp là 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Báo cho bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng người bị hại và nguyên đơn dân sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được cấp, tổng đạt hợp lệ theo quy định pháp luật. Để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thành phố Sóc Trăng;
- Công an thành phố Sóc Trăng;
- CQTHAHS – Công an thành phố Sóc Trăng;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S;
- UBND Phường 10, thành phố S;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lâm Tấn Vinh

THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Phước

Trần Văn Phơ

Lâm Tấn Vinh

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thành phố Sóc Trăng;
- Công an thành phố Sóc Trăng;
- CQTHAHS – Công an thành phố Sóc Trăng;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng;
- UBND Phường 10, thành phố Sóc Trăng;
- Bị cáo;
- Người bị hại;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lâm Tấn Vinh

- Lưu hồ sơ.

THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Phước

Trần Văn Phơ

Lâm Tấn Vinh

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thành phố Sóc Trăng;
- Công an thành phố Sóc Trăng;
- CQTHAHS – Công an thành phố Sóc Trăng;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quốc Định

THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Ngọc Cận

Huỳnh Phước

Nguyễn Quốc Định

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thành phố Sóc Trăng;
- Công an thành phố Sóc Trăng;
- CQTHAHS – Công an thành phố Sóc Trăng;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng;
- Bị cáo;
- Những người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Người đại diện hợp pháp;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quốc Định

THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Phơ

Huỳnh Phước

Nguyễn Quốc Định

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thành phố Sóc Trăng;
- Công an thành phố Sóc Trăng;
- CQTHAHS – Công an thành phố Sóc Trăng;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng;
- Bị cáo;
- Những người bị hại;
- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quốc Định

